

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 480/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 08 tháng 4 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án “Hạ tầng Khu dân cư tái định cư tuyến đường trục kết nối  
Khu kinh tế Thái Bình phục vụ giải phóng mặt bằng tại xã Nam Hải”

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều  
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 308/STNMT-QLMT ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Sở Tài  
nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác  
động môi trường của Dự án “Hạ tầng Khu dân cư tái định cư tuyến đường trục  
kết nối Khu kinh tế Thái Bình phục vụ giải phóng mặt bằng tại xã Nam Hải”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
161/TTr-STNMT ngày 27 tháng 3 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
của Dự án “Hạ tầng Khu dân cư tái định cư tuyến đường trục kết nối Khu kinh tế  
Thái Bình phục vụ giải phóng mặt bằng tại xã Nam Hải” (sau đây gọi là Dự án)  
của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiền Hải (sau đây gọi là Chủ dự  
án) thực hiện tại xã Nam Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình với các nội dung,  
yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiền Hải có trách nhiệm  
thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số  
08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một  
số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

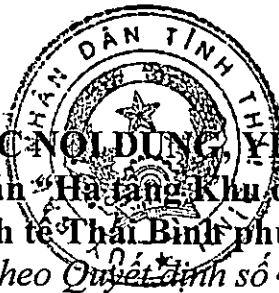
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nam Hải và Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiền Hải chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT



**Lại Văn Hoàn**



**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
của Dự án “Hạ tầng Khu dân cư tái định cư tuyến đường trục kết nối  
Khu kinh tế Thái Bình phục vụ giải phóng mặt bằng tại xã Nam Hải”  
(Kèm theo Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**1. Thông tin về dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Hạ tầng Khu dân cư tái định cư tuyến đường trục kết nối Khu kinh tế Thái Bình phục vụ giải phóng mặt bằng tại xã Nam Hải.
  - Địa điểm thực hiện dự án: Xã Nam Hải, huyện Tiền Hải.
  - Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiền Hải.
- Địa chỉ: Xã Nam Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư tái định cư với diện tích khu đất thực hiện dự án là 21.326 m<sup>2</sup>; quy hoạch sử dụng đất:

- Đất nhà ở: 71 lô, diện tích 7.763,2 m<sup>2</sup>.
- Đất cây xanh + TĐTT: 1.519,5 m<sup>2</sup>.
- Đất giao thông, hạ tầng: 12.043,3 m<sup>2</sup>.

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:**

- San nền khu đất thực hiện dự án.
- Các tuyến đường với quy mô như sau:
  - + Tuyến đường liên thôn có chiều dài 174m; bề rộng mặt đường 7,5m; bề rộng vỉa hè 3,0m-4,0m; bề rộng nền đường 14,5m.
  - + Tuyến đường QH số 1 có chiều dài 82,2m; Bề rộng mặt đường 7,5m; bề rộng vỉa hè 3,0m-4,0m; bề rộng nền đường 14,5m.
  - + Tuyến đường QH số 2 có chiều dài 136,1m; bề rộng mặt đường 7,5m; bề rộng vỉa hè 2,0m-4,0m; bề rộng nền đường 13,5m.
  - + Tuyến đường QH số 3 có chiều dài 119,2m; bề rộng mặt đường 7,5m; bề rộng vỉa hè 4,0m; bề rộng nền đường 15,5m.
  - + Tuyến đường QH số 4 có chiều dài 107,8m; bề rộng mặt đường 7,5m; bề rộng vỉa hè 4,0m; bề rộng nền đường 15,5m.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống rãnh thoát nước khu dân cư, cống thoát nước ngang đường, gia cố mái taluy nền đường, hệ thống điện chiếu sáng, cấp thoát nước, hệ thống an toàn giao thông trên tuyến, xây dựng trạm xử lý nước thải, công viên cây xanh.

**1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:**

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:**

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; thực vật từ quá trình phát quang mặt bằng, đất thải từ quá trình bóc tách lớp hữu cơ, chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông của người dân, mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:**

### **3.1. Nước thải, khí thải:**

- Nước thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng, dưỡng hồ bê tông, làm mát thiết bị, rửa cốt liệu... khoảng 3,28 m<sup>3</sup>/ngày đêm; thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ; nước thải sinh hoạt khoảng 2,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD<sub>5</sub>, amoni, tổng nitơ, dầu mỡ động thực vật, tổng phốt pho, tổng Coliform.

+ Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt của người dân trong khu dân cư với lưu lượng khoảng 31,24 m<sup>3</sup>/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD<sub>5</sub>, amoni, tổng nitơ, dầu mỡ động thực vật, tổng phốt pho, tổng Coliform.

- Bụi, khí thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ san lấp mặt bằng, thi công xây dựng, vận chuyển vật liệu, chất thải.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực, mùi hôi phát sinh từ khu xử lý nước thải tập trung.

### **3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Khoảng 25 kg/ngày đêm.

+ Giai đoạn vận hành: Khoảng 142 kg/ngày đêm.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải xây dựng khoảng 109,43 tấn/8 tháng; thực vật thải từ quá trình phát quang mặt bằng 1,78 tấn; đất thải từ hoạt động bóc tách lớp hữu cơ bề mặt khoảng 11.687,96 m<sup>3</sup>.

+ Giai đoạn vận hành: Bùn thải phát sinh từ quá trình vận hành trạm xử lý nước thải khoảng 2,7 tấn/năm; bùn cặn hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 112 kg/8 tháng, bao gồm: Dầu thải, giẻ lau dính dầu, pin thải, ắc quy thải, nhựa đường thải, thùng chứa thải (dính nhựa đường), ...

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 225,7 kg/năm, bao gồm: Giẻ lau dính thành phần nguy hại, pin thải, ắc quy hỏng, bao bì nhựa cứng thải (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại).

### 3.3. Tiếng ồn, độ rung:

+ Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.

+ Giai đoạn vận hành: Từ hoạt động của phương tiện giao thông, sinh hoạt của người dân.

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

### 4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

#### 4.1.1. Đối với nước thải:

- Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ khu vực rửa xe, vệ sinh máy móc thiết bị được thu gom, xử lý bằng 03 hố lắng dung tích  $1,5 \text{ m}^3/\text{hố}$ , nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho thi công, xây dựng; nước thải sinh hoạt: Sử dụng 03 nhà vệ sinh di động 2 buồng, bồn chứa nước  $2,5 \text{ m}^3$ , định kỳ thuê đơn vị có đủ năng lực thu gom và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thoát nước mưa: Thu gom bằng các hố ga, rãnh thoát nước; bao gồm: Rãnh thoát nước B = 560, HTB = 1m dài 662m; rãnh chịu lực qua đường B = 560 (loại 1,2,3,4,5) dài 103,06m; rãnh chịu lực qua đường B = 900 (loại 6) dài 20,4m; rãnh xây gạch B = 900, HTB = 1,5m dài 286m; 01 phai cống xây gạch; 19 hố ga; 46 cửa thu nước.

+ Hệ thống thu gom, xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân được thu gom bằng hệ thống ống HDPE D160 - DN160x7,7-PN8 dài 142m; ống HDPE - DN315x18,7-PN10 dài 549,4 m về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $40 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  đạt QCVN 14:2008 cột A giá trị C trước khi xả ra mương thủy lợi, tọa độ xả thải:  $X(m) = 2248353.52$ ,  $Y(m) = 603809.91$  (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tách rác → Bể gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

#### 4.1.2. Đối với bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: Lắp đặt hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực công trường thi công; sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm, không sử dụng máy móc cũ lạc hậu; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định, che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải... không để rơi vãi, thu gom đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công, vệ sinh bánh xe trước khi ra khỏi công trường.

- Giai đoạn vận hành:

Trồng cây xanh trong khu dân cư, xung quanh các công trình, trạm xử lý nước thải và dọc theo các tuyến đường giao thông.

Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải kín, thiết bị xử lý khí, mùi công suất 500 m<sup>3</sup>/giờ; quy trình xử lý: Khí mùi từ các bể xử lý nước thải → Đường ống thu gom → Quạt hút → Tháp khử mùi → Ống thoát khí ra môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng: Lốp đất bóc tách bề mặt được thu gom, tận dụng để trồng cây xanh, phần không thể tận dụng được chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu hoặc có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định; chất thải rắn trong quá trình thi công xây dựng được thu gom, tập kết tạm thời trong khu vực dự án, một phần được tận dụng san lấp mặt bằng, phần còn lại chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu hoặc có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào thùng chứa, hợp đồng với đội vệ sinh môi trường của địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt lưu giữ bằng các thùng chứa của hộ gia đình, được tổ vệ sinh môi trường của địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Bùn thải, cặn lắng từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống xử lý nước thải được đơn vị quản lý vận hành hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Bố trí kho lưu chứa diện tích 10 m<sup>2</sup>, tường và cửa kiên cố, nền trải bạt HDPE chống thấm; sử dụng 03 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 150 lít/thùng; định kỳ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Giai đoạn vận hành:

Đối với hộ gia đình: Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt, được phân loại, xử lý theo quy định tại đơn vị thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt; thực hiện công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

Đối với các công trình công cộng, hệ thống xử lý nước thải tập trung: Đơn vị quản lý vận hành thực hiện thu gom, lưu giữ, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### 4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn xây dựng: Sử dụng máy móc thi công bảo đảm về tiếng ồn, thường xuyên bảo dưỡng máy móc, phương tiện thi công; xây dựng kế hoạch thi công phù hợp, hạn chế thi công các hạng mục phát sinh tiếng ồn, độ rung vào ban đêm, hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời, bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng; đối với các thiết bị có độ ồn lớn, các thiết bị gây rung sẽ được lắp đặt trên đệm cao su và lò xo chống rung.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh xung quanh dự án.

Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT.

### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

#### 5.1. Giai đoạn xây dựng:

- Giám sát môi trường không khí xung quanh:

+ Vị trí giám sát: 02 vị trí xung quanh khu vực triển khai dự án.

+ Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, tiếng ồn, độ rung.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần và kiểm tra đột xuất khi có sự cố.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý.

#### 5.2. Giai đoạn vận hành:

- Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A giá trị C - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý.

### 6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường để được cấp Giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định./.